

XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN

LÊ VIỆT TIẾN

Trường Đại học Tài chính - Marketing

Nhận bài ngày 07/01/2026. Sửa chữa xong 27/02/2026. Duyệt đăng 17/03/2026.

Abstract

In the context of globalization and the development of a knowledge-based economy, higher education plays a crucial role in training high-quality human resources. The socialization of higher education is regarded as an important policy for mobilizing social resources to support educational development. This article analyzes the theoretical foundations of higher education socialization and evaluates its implementation in Vietnam through indicators such as system expansion, the development of non-public institutions, and the mobilization of social resources. Based on these findings, the study identifies major achievements and existing limitations, and proposes several solutions to enhance the effectiveness of higher education socialization in the coming period.

Keywords: Educational development, higher education socialization, social resources, university autonomy, Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế tri thức, giáo dục đại học (GDĐH) ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Ở Việt Nam, GDĐH không chỉ là một bộ phận quan trọng của hệ thống giáo dục quốc dân mà còn là động lực thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, sự gia tăng nhanh chóng về nhu cầu học tập cùng với yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo đã đặt ra nhiều thách thức đối với hệ thống GDĐH, đặc biệt là về nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên. Trong bối cảnh đó, xã hội hóa giáo dục được xem là một giải pháp quan trọng nhằm huy động các nguồn lực từ toàn xã hội tham gia vào phát triển giáo dục. Thực tiễn cho thấy, quá trình xã hội hóa GDĐH ở Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực như mở rộng quy mô đào tạo, phát triển các cơ sở ngoài công lập và tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Song vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế như chất lượng đào tạo chưa đồng đều, cơ chế chính sách chưa hoàn thiện và mức độ tham gia của xã hội chưa tương xứng với tiềm năng. Xuất phát từ thực tiễn đó, bài viết phân tích cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả xã hội hóa GDĐH ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về xã hội hóa giáo dục đại học

2.1.1. Khái niệm xã hội hóa giáo dục đại học

Xã hội hóa giáo dục là một quan điểm và chủ trương quan trọng trong quá trình phát triển giáo dục của nhiều quốc gia nhằm huy động sự tham gia của toàn xã hội vào hoạt động giáo dục. Theo cách hiểu chung, xã hội hóa giáo dục là quá trình huy động các nguồn lực của xã hội, bao gồm Nhà nước, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và cá nhân cùng tham gia vào việc phát triển giáo dục nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của hệ thống giáo dục. Trong lĩnh vực GDĐH, xã hội hóa được hiểu là việc mở rộng sự tham gia của các thành phần kinh tế và xã hội vào quá trình phát triển GDĐH thông qua

Email: lvtien@ufm.edu.vn

nhiều hình thức khác nhau như đầu tư tài chính, thành lập các cơ sở GDĐH ngoài công lập, hợp tác đào tạo giữa nhà trường với doanh nghiệp và các tổ chức xã hội cũng như hỗ trợ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Quá trình này không làm giảm vai trò quản lý của Nhà nước mà hướng tới việc phát huy vai trò của toàn xã hội trong việc phát triển GDĐH. Ở Việt Nam, xã hội hóa giáo dục được xem là một giải pháp quan trọng nhằm phát triển giáo dục trong bối cảnh nhu cầu học tập ngày càng tăng và nguồn lực ngân sách nhà nước còn hạn chế. Việc huy động các nguồn lực xã hội không chỉ góp phần mở rộng quy mô đào tạo mà còn tạo điều kiện đa dạng hóa các loại hình cơ sở GDĐH, đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập và đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội.

2.1.2. Cơ sở pháp lý của xã hội hóa giáo dục đại học ở Việt Nam

Chủ trương xã hội hóa giáo dục ở Việt Nam được thể hiện trong nhiều văn bản của Đảng và Nhà nước. Một trong những văn bản quan trọng là Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao *"Huy động nguồn lực của các ngành, các cấp, các tổ chức kinh tế - xã hội và cá nhân để phát triển giáo dục, đào tạo. Tăng cường quan hệ của nhà trường với gia đình và xã hội; huy động trí tuệ, nguồn lực của toàn ngành, toàn xã hội vào việc đổi mới nội dung, chương trình, thực hiện giáo dục toàn diện. Ban hành cơ chế chính sách cụ thể khuyến khích và quy định trách nhiệm các ngành, địa phương, các tổ chức kinh tế - xã hội và người sử dụng lao động tham gia xây dựng trường, hỗ trợ kinh phí cho người học, thu hút nhân lực đã được đào tạo và giám sát các hoạt động giáo dục"* [2, tr. 3]. Nghị quyết đã xác định việc huy động các nguồn lực xã hội tham gia phát triển giáo dục là một giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của hệ thống giáo dục quốc dân. Trong lĩnh vực GDĐH, Luật Giáo dục đại học năm 2012 đã tạo cơ sở pháp lý cho việc phát triển các cơ sở GDĐH ngoài công lập và khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển GDĐH. Luật quy định rõ quyền và nghĩa vụ của các cơ sở GDĐH, đồng thời tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động giáo dục. Chủ trương xã hội hóa giáo dục tiếp tục được khẳng định trong Nghị quyết số 29-NQ/TW năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo *"Đối với GDĐH, tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học. Hoàn thiện mạng lưới các cơ sở GDĐH, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia; trong đó, có một số trường và ngành đào tạo ngang tầm khu vực và quốc tế. Đa dạng hóa các cơ sở đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển công nghệ và các lĩnh vực, ngành nghề; yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế"* [1, tr. 3]. *"Khuyến khích xã hội hóa để đầu tư xây dựng và phát triển các trường chất lượng cao ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo. Tăng tỷ lệ trường ngoài công lập đối với giáo dục nghề nghiệp và GDĐH. Hướng tới có loại hình cơ sở giáo dục do cộng đồng đầu tư"* [1, tr. 6]. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018 đã bổ sung nhiều quy định quan trọng liên quan đến xã hội hóa sự nghiệp giáo dục *"Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong phát triển sự nghiệp giáo dục. Thực hiện đa dạng hóa các loại hình cơ sở giáo dục và hình thức giáo dục; khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục; khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục dân lập, tự thực đáp ứng nhu cầu xã hội về giáo dục chất lượng cao"* [4, tr. 4]. Luật Giáo dục đại học năm 2019 tiếp tục khẳng định: *"Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong phát triển sự nghiệp giáo dục. Thực hiện đa dạng hóa các loại hình cơ sở giáo dục và hình thức giáo dục; khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục; khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục dân lập, tự thực đáp ứng nhu cầu xã hội về giáo dục chất lượng cao... Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển. Đầu tư trong lĩnh vực giáo dục là hoạt động đầu tư thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và được ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật"* [5, tr. 5]. Những quy định này đã tạo hành lang pháp lý quan trọng cho việc triển khai xã hội hóa GDĐH ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

2.2. Vai trò của xã hội hóa trong phát triển giáo dục đại học

Xã hội hóa GDĐH giữ vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển toàn diện của hệ thống GDĐH, đặc biệt trong bối cảnh nguồn lực công còn hạn chế và yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo ngày càng gia tăng.

2.2.1. Xã hội hóa góp phần quan trọng trong việc huy động và đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho giáo dục

Trong điều kiện ngân sách nhà nước không thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu phát triển, việc thu hút nguồn lực từ khu vực tư nhân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội đã tạo thêm kênh tài chính quan trọng cho GDĐH. Không chỉ dừng lại ở việc bổ sung nguồn vốn, các nguồn lực này còn giúp cải thiện cơ sở vật chất, hiện đại hóa trang thiết bị giảng dạy, đồng thời thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong các trường đại học. Điều này góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế của các cơ sở GDĐH trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2.2.2. Xã hội hóa giáo dục đại học đóng vai trò quan trọng trong việc đa dạng hóa các loại hình cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo

Sự phát triển của các trường đại học ngoài công lập, mô hình đào tạo liên kết quốc tế cũng như các chương trình đào tạo chất lượng cao đã tạo ra một hệ sinh thái giáo dục đa dạng và linh hoạt hơn. Nhờ đó, người học có nhiều lựa chọn phù hợp với năng lực, điều kiện kinh tế và định hướng nghề nghiệp của bản thân. Đồng thời, sự đa dạng này cũng tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các cơ sở giáo dục, buộc các trường phải không ngừng đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục.

2.2.3. Xã hội hóa giáo dục đại học góp phần tăng cường sự gắn kết giữa đào tạo và nhu cầu của thị trường lao động

Sự tham gia của doanh nghiệp và các tổ chức xã hội trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức thực tập cũng như đánh giá đầu ra giúp thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn. Điều này không chỉ giúp chương trình đào tạo mang tính ứng dụng cao hơn mà còn nâng cao năng lực nghề nghiệp, kỹ năng thực hành và khả năng thích ứng của SV sau khi tốt nghiệp. Về lâu dài, sự liên kết này góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đáp ứng tốt hơn yêu cầu của nền kinh tế.

2.2.4. Xã hội hóa giáo dục đại học là động lực thúc đẩy đổi mới quản trị đại học theo hướng tự chủ và hiệu quả

Khi các cơ sở GDĐH được tiếp cận với nhiều nguồn lực khác nhau, họ có điều kiện chủ động hơn trong việc xây dựng chiến lược phát triển, quản lý tài chính và tổ chức hoạt động đào tạo. Quá trình này gắn liền với việc tăng cường quyền tự chủ đại học, đồng thời nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục trước xã hội. Nhờ đó, hiệu quả quản trị được cải thiện, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đảm bảo sự phát triển bền vững của hệ thống GDĐH. Tổng thể, xã hội hóa GDĐH không chỉ là giải pháp huy động nguồn lực mà còn là một động lực quan trọng thúc đẩy đổi mới hệ thống GDĐH theo hướng hiện đại, linh hoạt và gắn với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa.

2.3. Thực trạng xã hội hóa giáo dục đại học ở Việt Nam

2.3.1. Sự phát triển về quy mô hệ thống giáo dục đại học

Trong những năm qua, quá trình xã hội hóa giáo dục đã góp phần mở rộng đáng kể quy mô hệ thống GDĐH ở Việt Nam. Theo Niên giám thống kê năm 2024, đến năm 2023, cả nước có 243 cơ sở GDĐH, bao gồm các trường đại học, học viện và các viện nghiên cứu có chức năng đào tạo trình độ đại học và sau đại học. Số lượng giảng viên tại các cơ sở GDĐH là 84.031 người, số học viên được đào tạo sau đại học là 108.674 người. So với giai đoạn đầu những năm 2000, số lượng cơ sở GDĐH, số lượng giảng viên và SV ở các trình độ đại học và sau đại học đã tăng đáng kể, phản ánh sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống GDĐH trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế. Trong tổng số các cơ sở GDĐH hiện nay, các trường công lập vẫn chiếm tỷ lệ lớn là 176 trường, song các trường ngoài công lập cũng ngày càng phát triển, đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng quy mô đào tạo. Theo thống kê, đến năm 2025, Việt Nam có khoảng 67 cơ sở GDĐH ngoài công lập, chiếm gần 25% tổng số cơ sở GDĐH trong cả nước [6, tr. 928]. Sự gia tăng số lượng các cơ sở GDĐH cho thấy quá trình xã hội hóa giáo dục đã góp phần quan trọng trong việc mở rộng cơ hội học tập cho người dân và đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2.3.2. Sự phát triển của các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập

Một trong những biểu hiện rõ nét của quá trình xã hội hóa GDĐH ở Việt Nam là sự phát triển của các cơ sở GDĐH ngoài công lập. Theo Luật Giáo dục đại học năm 2012, cơ sở GDĐH ngoài công lập bao gồm các trường đại học tư thục được thành lập và hoạt động bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước. Các trường đại học ngoài công lập đã góp phần quan trọng trong việc mở rộng quy mô đào tạo và đa dạng hóa các loại hình GDĐH. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, số lượng sinh viên (SV) đang theo học tại các cơ sở GDĐH ở Việt Nam tính đến năm 2023 là 2355,7 triệu SV, trong đó một tỷ lệ đáng kể đang theo học tại các trường ngoài công lập [6, tr. 928]. Bên cạnh việc mở rộng quy mô đào tạo, nhiều trường đại học ngoài công lập đã từng bước nâng cao chất lượng đào tạo và tăng cường hợp tác quốc tế. Một số cơ sở GDĐH đã tham gia các bảng xếp hạng đại học khu vực và quốc tế, góp phần nâng cao vị thế của GDĐH Việt Nam trong bối cảnh hội nhập.

2.3.3. Huy động nguồn lực xã hội cho giáo dục đại học

Quá trình xã hội hóa GDĐH ở Việt Nam không chỉ thể hiện ở sự gia tăng số lượng cơ sở đào tạo ngoài công lập mà còn ở việc huy động các nguồn lực xã hội cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Nhiều doanh nghiệp và tổ chức xã hội đã tham gia vào hoạt động giáo dục thông qua các hình thức như tài trợ học bổng, đầu tư cơ sở vật chất, hợp tác đào tạo và hỗ trợ SV thực tập. Ngoài ra, các trường đại học ngày càng tăng cường hợp tác với doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và gắn kết chương trình đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động. Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã chỉ rõ, việc đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển giáo dục được xem là một giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, nhiều cơ sở GDĐH đã chủ động đa dạng hóa nguồn thu thông qua các chương trình đào tạo chất lượng cao, đào tạo liên kết quốc tế và các hoạt động nghiên cứu - chuyển giao công nghệ. Những hoạt động này góp phần tăng cường nguồn lực tài chính cho các cơ sở GDĐH và nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo.

2.3.4. Những hạn chế và thách thức

Mặc dù quá trình xã hội hóa GDĐH ở Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực, song vẫn còn tồn tại một số hạn chế và thách thức. Trước hết, chất lượng đào tạo giữa các cơ sở GDĐH còn chưa đồng đều, đặc biệt là giữa các trường công lập và một số cơ sở ngoài công lập. Một số trường đại học ngoài công lập còn gặp khó khăn về nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên. Bên cạnh đó, cơ chế chính sách đối với các cơ sở GDĐH ngoài công lập vẫn còn một số bất cập. Việc đảm bảo chất lượng đào tạo và tăng cường công tác kiểm định chất lượng GDĐH vẫn là một yêu cầu quan trọng trong bối cảnh số lượng cơ sở đào tạo ngày càng tăng. Ngoài ra, mức độ tham gia của doanh nghiệp và các tổ chức xã hội vào hoạt động GDĐH tuy đã được cải thiện nhưng vẫn chưa thực sự tương xứng với tiềm năng. Do đó, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho sự tham gia của các thành phần xã hội trong phát triển GDĐH.

2.4. Giải pháp thúc đẩy xã hội hóa giáo dục đại học ở Việt Nam

Để nâng cao hiệu quả của quá trình xã hội hóa GDĐH ở Việt Nam trong thời gian tới cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm phát huy vai trò của các nguồn lực xã hội trong phát triển giáo dục.

2.4.1. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách và pháp luật về xã hội hóa giáo dục đại học

Nhà nước cần xây dựng cơ chế chính sách rõ ràng, minh bạch, đột phá để khuyến khích các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp tham gia đầu tư vào lĩnh vực GDĐH. Đồng thời, cần có các chính sách ưu đãi về thuế, đất đai và tín dụng đối với các cơ sở GDĐH ngoài công lập nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của khu vực này. Bởi việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, tháo gỡ điểm nghẽn và tạo môi trường bình đẳng giữa các thành phần kinh tế là nội dung cốt lõi để thu hút nguồn lực xã hội hóa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

2.4.2. Tăng cường hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp và các tổ chức xã hội theo hướng thực chất, bền vững và đôi bên cùng có lợi

Trong bối cảnh nền kinh tế tri thức và chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, khoảng cách giữa đào tạo và

nhu cầu thị trường lao động đang trở thành một thách thức lớn. Do đó, việc thiết kế chương trình đào tạo cần dựa trên khảo sát nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, cập nhật thường xuyên các tiêu chuẩn nghề nghiệp và kỹ năng mới. Không chỉ dừng lại ở việc tham khảo ý kiến, doanh nghiệp cần được tham gia sâu vào quá trình xây dựng chương trình, giảng dạy, đánh giá SV, thậm chí đồng tổ chức các học phần thực hành. Các mô hình đào tạo kết hợp như học kết hợp làm, thực tập dài hạn hay doanh nghiệp đặt hàng đào tạo sẽ giúp SV tích lũy kinh nghiệm thực tiễn, nâng cao năng lực thích ứng sau khi tốt nghiệp. Bên cạnh đó, việc thúc đẩy hoạt động nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo giữa trường đại học và doanh nghiệp không chỉ tạo ra giá trị kinh tế mà còn góp phần nâng cao vị thế của trường đại học trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia. Tuy nhiên, để hợp tác hiệu quả cần có cơ chế chính sách rõ ràng về quyền lợi, trách nhiệm và phân chia lợi ích giữa các bên.

2.4.3. Nâng cao chất lượng quản trị đại học và tăng cường quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học một cách toàn diện, đi kèm với cơ chế giải trình minh bạch

Tự chủ đại học không chỉ là quyền quyết định về tài chính hay tổ chức bộ máy mà còn bao gồm tự chủ học thuật, tuyển sinh và hợp tác quốc tế. Khi được trao quyền tự chủ theo Luật Giáo dục đại học sửa đổi năm 2018, các trường có điều kiện linh hoạt hơn trong việc xây dựng chiến lược phát triển dài hạn, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và đổi mới chương trình đào tạo. Tuy nhiên, tự chủ cần đi đôi với trách nhiệm giải trình trước xã hội, thông qua các hệ thống kiểm định chất lượng độc lập, công khai thông tin và đánh giá hiệu quả hoạt động. Việc nâng cao năng lực quản trị của đội ngũ lãnh đạo đại học cũng đóng vai trò then chốt, đòi hỏi tư duy quản trị hiện đại, khả năng hoạch định chiến lược và thích ứng với môi trường cạnh tranh. Nếu không có nền tảng quản trị vững chắc, tự chủ có thể dẫn đến những rủi ro như chạy theo lợi nhuận ngắn hạn hoặc mất cân đối trong phát triển.

2.4.4. Đa dạng hóa các nguồn lực tài chính cho giáo dục đại học nhằm giảm sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước và tạo động lực phát triển bền vững

Trong bối cảnh nguồn lực công còn hạn chế, việc huy động nguồn lực xã hội là xu hướng tất yếu. Các hình thức như thành lập quỹ phát triển giáo dục, quỹ học bổng, tài trợ nghiên cứu từ doanh nghiệp hay hợp tác công - tư (PPP) trong đầu tư cơ sở vật chất và chương trình đào tạo cần được khuyến khích và hoàn thiện về mặt pháp lý. Ngoài ra, các trường đại học cũng cần chủ động phát triển các nguồn thu hợp pháp như dịch vụ đào tạo ngắn hạn, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế. Tuy nhiên, việc đa dạng hóa tài chính cần đi kèm với cơ chế quản lý minh bạch, hiệu quả để tránh thương mại hóa giáo dục quá mức. Quan trọng hơn cần đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục thông qua các chính sách học bổng, tín dụng SV và hỗ trợ tài chính cho các đối tượng yếu thế. Khi được triển khai đồng bộ, việc đa dạng hóa nguồn lực không chỉ nâng cao năng lực tài chính của các trường mà còn góp phần cải thiện chất lượng đào tạo và tăng cường tính cạnh tranh của hệ thống GDĐH.

2.4.5. Tăng cường công tác kiểm định và đảm bảo chất lượng giáo dục đại học

Trong bối cảnh xã hội hóa giáo dục ngày càng được đẩy mạnh, việc xây dựng hệ thống kiểm định chất lượng độc lập và minh bạch là cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo giữa các cơ sở GDĐH và nâng cao uy tín của hệ thống GDĐH Việt Nam. Nhìn chung, việc thực hiện đồng bộ các giải pháp trên sẽ góp phần thúc đẩy quá trình xã hội hóa GDĐH, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong giai đoạn mới. Bên cạnh đó, cơ chế chính sách đối với các cơ sở GDĐH ngoài công lập vẫn còn một số bất cập. Việc đảm bảo chất lượng đào tạo và tăng cường công tác kiểm định chất lượng GDĐH vẫn là một yêu cầu quan trọng trong bối cảnh số lượng cơ sở đào tạo ngày càng tăng. Ngoài ra, mức độ tham gia của doanh nghiệp và các tổ chức xã hội vào hoạt động GDĐH tuy đã được cải thiện nhưng vẫn chưa thực sự tương xứng với tiềm năng. Do đó, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho sự tham gia của các thành phần xã hội trong phát triển GDĐH.

Xem tiếp trang 92